

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1189*/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày. *17* tháng *4* năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở
tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2025 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững;

Căn cứ Quyết định số 03/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức nhà ở công vụ;

Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu hoàn thành nhà ở xã hội trong năm 2025 và các năm tiếp theo đến năm 2030 để các địa phương bổ sung vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;



Căn cứ Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 2777/QĐUBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2023” tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Thông báo số 57-TB/ĐU ngày 16/4/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh về kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh tại phiên họp ngày 16/4/2025;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 979/TTr-SXD ngày 15/4/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2025 - 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2025 - 2030, với nội dung chi tiết tại Kế hoạch kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch, thường xuyên theo dõi việc thực hiện, kịp thời tham mưu đề xuất, báo cáo UBND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Phong Phú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

*(Kèm theo Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)*

Để tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2030. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm (tại các quyết định: số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; số 1538/QĐ-UBND ngày 09/6/2022; số 56/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 và số 299a/QĐ-UBND ngày 05/2/2024). Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, ban hành đã tạo cơ sở triển khai các dự án đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ quy định tại Điều 26 Luật Nhà ở năm 2023, kỳ kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh là 05 năm, kỳ đầu kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh được xác định theo đầu kỳ của chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh; Điều 11 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 27/4/2024 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh, như vậy kỳ tiếp theo phải là 2026 - 2030. Tuy nhiên, năm 2025 là năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, tạo nền tảng, tiền đề cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030. Để phấn đấu đạt cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, hướng đến tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030 và thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 140/CĐ-TTg về việc phân đầu tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2025; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên. Để hoàn thành mục tiêu trên, UBND tỉnh cần thực hiện quyết liệt, hiệu quả các đột phá chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm và các nhóm giải pháp chủ yếu, trong đó cần huy động tối đa các nguồn lực xã hội cho phát triển, khai thác hiệu quả nguồn lực từ doanh nghiệp nhà nước, phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2030 phù hợp với

tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình mới, phát huy hiệu quả tối đa. Do đó, cần thiết phải lập Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2025 - 2030 để triển khai thực hiện.

Căn cứ các mục tiêu của Chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt để xác định vị trí, khu vực phát triển nhà ở; quy mô, số lượng các dự án phát triển nhà ở, đề xuất nguồn vốn ngân sách và quỹ đất của tỉnh dành cho công tác phát triển nhà ở; huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển nhà ở, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đáp ứng nhu cầu cải thiện chỗ ở của nhân dân. Từ đó, xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở một cách khoa học, tuân thủ các quy định của pháp luật về nhà ở, phát triển và chỉnh trang đô thị, từng bước nâng cao đời sống của người dân và ổn định an sinh xã hội.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các định hướng, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2030 đã được phê duyệt trong Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 – 2030.

- Làm cơ sở để triển khai các bước chuẩn bị đầu tư các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà ở công vụ, nhà ở cho đối tượng thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; huy động mọi nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, tham gia phát triển nhà ở, thúc đẩy sự phát triển lành mạnh thị trường bất động sản.

- Chú trọng giải quyết nhu cầu nhà ở cho người có thu nhập thấp, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân lao động, học sinh, sinh viên, người nghèo, người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế, tăng trưởng dân số và xây dựng nhà ở phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nhà ở, nhà ở xã hội của tỉnh và đặc điểm tình hình của từng địa bàn dân cư, khu công nghiệp. Làm cơ sở khoa học, căn cứ pháp lý để quản lý xây dựng và phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Làm cơ sở để triển khai công tác lập, thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, quyết định đầu tư xây dựng cho các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà ở công vụ, nhà ở cho đối tượng thuộc lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh và thực hiện các công việc liên quan khác.

- Xác định chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người tại đô thị, nông thôn và trên toàn địa bàn; chỉ tiêu diện tích nhà ở tối thiểu.

- Xác định diện tích sàn các loại nhà ở (nhà ở thương mại, khu đô thị, nhà ở công vụ, nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở do dân tự xây dựng nhà ở

theo chương trình mục tiêu quốc gia, nhà ở được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn đầu tư công) trong giai đoạn 2025 - 2030; các hình thức đầu tư xây dựng nhà ở.

- Xác định nguồn vốn, huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển nhà ở, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đáp ứng nhu cầu cải thiện chỗ ở của nhân dân.

- Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, phát triển nhà ở khu vực đô thị văn minh, hiện đại; phát triển nhà ở khu vực nông thôn đồng bộ và phù hợp với mục tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới, từng bước cải thiện chất lượng nhà ở cho người dân; nâng cao công tác chỉnh trang đô thị, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, đồng bộ với sự phát triển chung của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Trên cơ sở Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt; căn cứ tình hình, kết quả thực hiện và nhu cầu thực tế về nhà ở, khả năng cân đối từ nguồn ngân sách, nhu cầu của thị trường để phát triển nhà ở phù hợp theo giai đoạn và từng địa phương trong tỉnh; chỉ tiêu phát triển nhà ở trong kế hoạch phát triển nhà ở phải được xác định là một trong những chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

- Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm kịp thời, có hiệu quả Kế hoạch này;

- Các chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung theo kế hoạch và quy định của pháp luật hiện hành; tập trung các nguồn lực để triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình.

II. CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐẾN NĂM 2030

Thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh và Kế hoạch phát triển hàng năm, đến nay về cơ bản các chỉ tiêu về phát triển nhà ở đảm bảo theo Chương trình, kế hoạch đề ra. Theo đó:

- Về chất lượng nhà ở: Chất lượng nhà ở của tỉnh luôn đạt cao và duy trì, tính đến hết năm 2024 nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt tỷ lệ 85 - 90%, tỷ lệ nhà thiếu kiên cố và đơn sơ ngày càng giảm. Chất lượng nhà ở của người dân tiếp tục được cải thiện, một phần là nhà ở do người dân xây dựng mới và một phần là nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ được người dân cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng lại. Ngoài ra, các chính sách về việc cải tạo và xây dựng nhà ở mới cho người dân trên địa bàn tỉnh được đẩy mạnh, dẫn tới số lượng nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ giảm đáng kể trong thời gian qua.

- Về các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị: giai đoạn 2021 - 2025, cùng với những chính sách về phát triển các loại hình nhà ở trên địa bàn

cả nước, tỉnh Quảng Bình đã kêu gọi đầu tư các dự án phát triển nhà ở nhằm giải quyết nhu cầu ở của người dân. Cơ cấu sản phẩm nhà ở của tỉnh thời gian qua chủ yếu là nhà ở thấp tầng, một số dự án mà chủ đầu tư xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất nền để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở. Tính đến thời điểm cuối năm 2024, trên địa bàn tỉnh có 52 dự án nhà ở thương mại, khu đô thị, khu dân cư đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, các chủ đầu tư đang triển khai, tập trung chủ yếu ở thành phố Đồng Hới, khu vực huyện Lệ Thủy, huyện Quảng Ninh, huyện Bố Trạch, huyện Quảng Trạch và thị xã Ba Đồn.

- Về dự án nhà ở xã hội: Trên địa bàn tỉnh đang triển khai 01 dự án nhà ở xã hội với tổng diện tích đất 9,6 ha, với quy mô khoảng 691 căn. Để đáp ứng nhu cầu về nhà ở xã hội (đến năm 2030 phân đầu hoàn thành 15.000 căn nhà ở xã hội) tỉnh Quảng Bình đã chủ trương kêu gọi đầu tư các dự án xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Về hỗ trợ hộ gia đình người có công với cách mạng; hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang triển khai thực hiện 3 chương trình: (1) Hỗ trợ về nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sỹ (Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 480/QĐ-UBND của UBND tỉnh, với mục tiêu hỗ trợ 2.583 hộ; (2) Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh (ban hành theo Nghị quyết số 78/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh, với mục tiêu xóa 1.553 nhà tạm; (3) Xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo cho đối tượng vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2025 - 2026 (hiện nay đang xây dựng nghị quyết trình HĐND tỉnh thông qua để thực hiện, với mục tiêu xóa nhà tạm nhà dột nát cho 2.351 hộ).

- Về nhà ở của cá nhân tự xây dựng: Nhà ở người dân tự xây dựng vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong công tác phát triển nhà ở của tỉnh. Chất lượng và không gian nhà ở trong những năm qua không ngừng cải thiện, diện tích nhà ở do người dân (hộ dân) tự xây dựng đa phần là nhà ở kiên cố và bán kiên cố. Từ đó có thể thấy được chất lượng nhà ở của người dân trên địa bàn tỉnh ngày càng được củng cố và phát triển, tạo điều kiện sống thuận lợi cho các hộ dân an cư lạc nghiệp. Nhà ở dân tự xây cũng được phát triển nhiều hơn tại các khu vực trung tâm, xây dựng trên nền đất trong các dự án hoặc trên đất ở hộ gia đình. Nhà ở riêng lẻ tại các khu vực trung tâm ngoài mục đích để ở còn là nơi phát triển các dịch vụ thương mại, văn phòng.

Giai đoạn 2021 - 2025, nhìn chung kết quả thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh hàng năm đã cơ bản đạt so với mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu về diện tích sàn nhà ở xã hội, chỉ tiêu nhà ở theo chương trình mục tiêu quốc gia triển khai còn chậm.



Giai đoạn 2025 - 2030, để đạt được mục tiêu “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030” theo đề án tại Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, phân đầu tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2025 theo Công điện số 140/CD-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ thì cần phân đầu đạt và vượt các mục tiêu đã đề ra tại Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2030. Do đó, trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, thời gian tới cần tập trung phân đầu phát triển nhà ở theo các chỉ tiêu như sau:

1. Diện tích nhà ở bình quân đầu người đến năm 2030

Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đến năm 2030 phân đầu đạt: 33,0 m² sàn/người. Trong đó, tại khu vực đô thị là 36,5 m² sàn/người, khu vực nông thôn là 31,5 m² sàn/người.

2. Diện tích sàn nhà ở tối thiểu đến năm 2030

Diện tích nhà tối thiểu là 12,0 m² sàn/người.

3. Chất lượng nhà ở đến năm 2030

Cơ bản tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt 98%, tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ giảm còn 2% tổng số nhà ở.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN NHÀ Ở

1. Dự kiến diện tích đất để phát triển nhà ở đến năm 2030

Diện tích đất để phát triển nhà ở đến năm 2030 khoảng 5.520,62 ha, trong đó bao gồm:

- Diện tích đất để phát triển nhà ở, khu đô thị là 5.182,78 ha.
- Diện tích đất phát triển nhà ở xã hội là 100,44 ha.
- Diện tích đất để phát triển (khu dân cư, HTKT..) để xây dựng nhà ở là 237,40 ha.

2. Dự kiến diện tích sàn xây dựng sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng

- Tổng diện tích nhà ở tăng thêm đến năm 2030 là khoảng 8,2 triệu m².
Trong đó:
 - + Phát triển nhà ở thương mại khoảng trên: 1.000.000 m².
 - + Phát triển nhà ở xã hội khoảng trên: 241.000 m².
 - + Phát triển nhà ở riêng lẻ do người dân tự xây dựng khoảng: 6.600.000 m².
- Hỗ trợ cho hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở, để cải thiện nhà ở khoảng 3.300 hộ.
- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ sống trong vùng bão lụt tạo dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở khoảng 3.600 hộ.

3. Xác định danh mục các khu vực phát triển nhà ở

- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư và đang triển khai trên địa bàn tỉnh, gồm 52 dự án, danh mục khu vực phát triển nhà ở, các dự án đã được UBND tỉnh quyết định đầu tư theo Phụ lục 1.

- Nghiên cứu đầu tư các khu vực phát triển nhà ở, khu đô thị dự kiến phát triển, gồm 33 khu vực, danh mục khu vực phát triển nhà ở, các khu vực dự kiến sẽ đầu tư theo Phụ lục 2.

- Tiếp tục triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại xã Lộc Ninh và triển khai các khu vực phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh, gồm 46 khu vực phát triển nhà ở xã hội, danh mục khu vực phát triển nhà ở xã hội theo Phụ lục 3.

- Tiếp tục đầu tư các khu vực phát triển đất (khu dân cư, HTKT..) để xây dựng nhà ở, gồm 37 khu vực, danh mục khu vực phát triển nhà ở (khu dân cư, khu hạ tầng kỹ thuật do nhà nước đầu tư) để xây dựng nhà ở theo Phụ lục 4.

4. Nhu cầu về vốn, nguồn vốn thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở

* Cách xác định nguồn vốn phát triển nhà ở:

“Nguồn vốn” = “Diện tích sàn” x “Suất vốn đầu tư xây dựng”

Trong đó:

- Diện tích sàn là diện tích dự kiến hoàn thành của các loại nhà ở;

- Suất vốn đầu tư nhà ở: Căn cứ Quyết định số 816/QĐ-BXD ngày 22/8/2024 của Bộ Xây dựng Công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2023.

a) Về vốn:

TT	Các loại nhà ở	Suất vốn đầu tư (triệu đồng)	Suất vốn đầu tư giai đoạn 2026 – 2030 (triệu đồng)
	Tổng		65.095.530
1	Nhà ở thương mại	8,75	8.750.000
2	Nhà ở xã hội	10,33	2.489.530
3	Nhà ở riêng lẻ do người dân tự xây dựng	8,16	53.856.000

(Suất vốn đầu tư trên chỉ bao gồm chi phí xây dựng công trình nhà ở, chưa bao gồm chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội liên quan đến dự án; suất vốn đầu tư năm 2030 ước tính trên cơ sở suất vốn đầu tư năm 2023 và trượt giá 5%/năm)

b) Nguồn vốn:

Dự kiến các nguồn vốn để phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 112, Điều 113 và Điều 114 Luật Nhà ở, bao gồm:

- Phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị bằng nguồn vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng.v.v..

- Nhà ở riêng lẻ do người dân tự xây dựng từ nguồn vốn tích lũy thu nhập của các hộ gia đình.

- Phát triển dự án đầu tư xây dựng sử dụng đất hỗn hợp có diện tích đất trong dự án để xây dựng nhà ở, từ nguồn vốn nhà nước (vốn ngân sách cấp xã, huyện và nguồn từ ứng vốn quỹ phát triển đất).

- Vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: Bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, doanh nghiệp được hưởng các chính sách ưu đãi theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Nguồn vốn của nhà nước để phát triển nhà ở xã hội.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách; cải cách thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư

- Sớm ban hành các quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện thuộc thẩm quyền của tỉnh để cụ thể hóa các cơ chế, chính sách về phát triển nhà ở, quản lý đất đai theo quy định mới của Trung ương.

- Ưu đãi và hỗ trợ tiếp cận tín dụng đối với nhà đầu tư vào các lĩnh vực xây dựng công trình nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân của các khu công nghiệp.

- Chủ động thực hiện cải cách hành chính trong phạm vi được phân cấp, phân quyền. Đơn giản hóa, giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính trong quy trình đầu tư phát triển nhà ở từ bước lựa chọn chủ đầu tư, giao đất, đầu tư xây dựng dự án, cấp giấy chứng nhận sở hữu... Thực hiện chuẩn hóa, chuyển đổi số các thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng nhà ở riêng lẻ, nhà ở hộ gia đình.

- Nâng cao năng lực tổ chức bộ máy quản lý nhà nước; tập trung củng cố, tăng cường trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đáp ứng yêu cầu quản lý nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ về phát triển và quản lý nhà ở cho cán bộ công chức làm việc trong lĩnh vực quản lý nhà ở các cấp và các chủ thể tham gia thị trường bất động sản.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phát triển nhà ở, đảm bảo phù hợp các quy định pháp luật về nhà ở, xây dựng. Kiểm tra, giám sát việc công khai thông tin quy hoạch và các dự án phát triển nhà ở theo đúng quy định của pháp luật; có chế tài xử lý kịp thời các chủ đầu tư không triển khai hoặc triển khai chậm dự án nhà ở theo tiến độ đã phê duyệt.

2. Quy hoạch, phát triển quỹ đất

- Nâng cao chất lượng các đồ án quy hoạch xây dựng để làm cơ sở triển khai các dự án nhà ở, dự án khu đô thị đảm bảo chất lượng, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đầy đủ hạ tầng xã hội thiết yếu.

- Khi lập, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, quy hoạch xây dựng khu nghiên cứu, đào tạo phải xác định rõ diện tích đất xây dựng nhà ở. Ưu tiên các khu vực có tiềm năng lợi thế về điều kiện tự nhiên (hồ nước, đồi núi, sân golf, ...) để phát triển các sản phẩm bất động

sản chủ đạo là loại hình nhà ở sinh thái, nghỉ dưỡng, tăng sức cạnh tranh với các địa phương trong vùng, thu hút và thúc đẩy gia tăng dân số cơ học.

- Nghiên cứu, đề xuất công tác quy hoạch cho các khu vực có tiềm năng, lợi thế phát triển đô thị, tại các vùng tạo động lực phát triển đô thị theo Quy hoạch tỉnh Quảng Bình đã được duyệt; định hướng phát triển các khu đô thị, nhà ở theo hướng đô thị sinh thái cao cấp, các khu đô thị nghỉ dưỡng, khu đô thị du lịch, gắn liền với các hoạt động vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe - y tế, dịch vụ thể thao - sân golf; khai thác và tận dụng tối đa điều kiện về tự nhiên.

- Tại thành phố Đồng Hới và thị xã Ba Đồn ưu tiên phát triển các chung cư nhà ở thương mại, nâng cao tỷ lệ nhà ở chung cư trong các dự án phát triển nhà ở thương mại; đẩy mạnh phát triển chung cư nhà ở thương mại cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ, tạo điểm nhấn hiện đại, khang trang cho diện mạo đô thị. Rà soát quỹ đất sử dụng hỗn hợp (có đất ở), được quy hoạch để xây dựng công trình cao tầng tại các góc ngã tư, dọc theo các trục đường chính đô thị tại thành phố Đồng Hới và thị xã Ba Đồn nhằm phát huy nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát triển đô thị theo hướng hiện đại.

- Trong các khu dân cư cũ đối với những nhà ở cần sửa chữa, cải tạo, xây mới cần quy định rõ chiều cao, hình thức kiến trúc để tạo sự đồng nhất về mặt đứng công trình, tường nhà,... nâng cấp cải tạo các khu nhà ở hiện có kết hợp với chỉnh trang đô thị.

- Thực hiện đầy đủ quy định về công bố công khai các đồ án quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị. Xác định và công bố các khu vực, quỹ đất được phép xây dựng nhà ở theo quy hoạch làm cơ sở triển khai thực hiện các dự án chỉnh trang khu dân cư, phát triển nhà ở; tạo điều kiện cho cá nhân, hộ gia đình xây dựng, cải tạo nhà ở phù hợp quy hoạch.

- Thường xuyên tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn để kịp thời điều chỉnh hoặc bãi bỏ các quy hoạch không còn phù hợp, không thực hiện được.

- Đối với khu vực nông thôn, từng bước thực hiện việc phát triển nhà ở tuân thủ quy hoạch.

- Thực hiện rà soát, sắp xếp, bố trí lại quỹ nhà, đất không phù hợp quy hoạch để chuyển đổi mục đích sử dụng phù hợp.

- Khuyến khích các địa phương thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện đảm bảo mục tiêu phát triển nhà ở.

- Rà soát, kiểm soát chặt chẽ các chủ đầu tư nhà ở thương mại phải dành quỹ đất 20% để phát triển nhà ở xã hội. Trường hợp chủ đầu tư các dự án nhà ở không triển khai hoặc chậm triển khai thực hiện theo tiến độ đã được phê duyệt, phải thực hiện thu hồi và giao các nhà đầu tư có năng lực để triển khai đầu tư xây dựng, tránh lãng phí quỹ đất.

- Rà soát, lựa chọn vị trí quỹ đất công phù hợp để phát triển nhà ở xã hội; rà soát, điều chỉnh quy hoạch khu công nghiệp để dành diện tích đất phát triển nhà ở xã hội, thiết chế công đoàn cho công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

3. Nguồn vốn và thuế

- Sử dụng hợp lý nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để phát triển nhà ở cho các đối tượng chính sách, cho các chương trình mục tiêu về nhà ở.

- Huy động nguồn vốn xã hội hóa để phát triển nhà ở thông qua nhiều hình thức như: huy động vốn của doanh nghiệp, huy động từ ngân hàng, các tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư phát triển địa phương, cổ phiếu, trái phiếu và các nguồn vốn hợp pháp khác, nhằm tạo lập hệ thống tài chính nhà ở vận hành ổn định, dài hạn và giảm phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

- Huy động hiệu quả nguồn vốn nước ngoài thông qua các cơ chế huy động tài chính quốc tế như: quỹ đầu tư, quỹ tín thác bất động sản, liên doanh, liên kết thực hiện dự án nhà ở; tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư xây dựng các dự án nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội.

- Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi về thuế liên quan đến phát triển nhà ở và các ưu đãi khác theo pháp luật về thuế và pháp luật về nhà ở.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế; kịp thời kiến nghị Chính phủ, Quốc hội xem xét điều chỉnh bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế phù hợp với điều kiện thị trường.

4. Nâng cao năng lực phát triển nhà ở theo dự án

- Nâng cao năng lực của chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở. Việc đánh giá lựa chọn chủ đầu tư cần xem xét ưu tiên về giải pháp quy hoạch, kiến trúc, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tiến độ thực hiện dự án, đưa công trình vào sử dụng, giải pháp quản lý vận hành.

- Phát triển nhà ở phải đảm bảo sự cân đối giữa cung - cầu, đảm bảo giải quyết nhu cầu về nhà ở nhưng phải hài hòa với khả năng huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển nhà ở.

- Tăng cường hiệu quả và tính công khai, minh bạch trong quá trình lựa chọn chủ đầu tư theo đó chủ yếu thực hiện thông qua phương thức đấu giá, đấu thầu cho các dự án phát triển đô thị, phát triển nhà ở, phát triển nhà ở xã hội...

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và có biện pháp áp dụng các chế tài để đảm bảo chủ đầu tư thực hiện đúng những những cam kết, nghĩa vụ, nội dung được phê duyệt trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Rà soát, phân loại đối với từng dự án khu đô thị, nhà ở đã có chủ trương hoặc đang triển khai. Bên cạnh đó, cần kịp thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và phối hợp với chủ đầu tư các dự án để đưa ra các biện pháp tháo gỡ, xử lý, khắc phục phù hợp với từng dự án nhằm đảm bảo tiến độ triển khai và hiệu quả của các dự án.



5. Phát triển thị trường bất động sản

- Chủ động ban hành, điều chỉnh, bổ sung các chính sách điều tiết thuộc thẩm quyền của địa phương để bình ổn và đảm bảo sự ổn định, lành mạnh của thị trường bất động sản, tạo cơ sở để cơ quan nhà nước các cấp, các ngành có thể chủ động đề xuất, thực hiện kịp thời các giải pháp cụ thể để bình ổn, điều chỉnh thị trường bất động sản và nhà ở khi thị trường rơi vào trạng thái bất ổn, "sốt nóng", "đóng băng".

- Sớm hoàn thiện việc xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản để đảm bảo tính công khai, minh bạch; nâng cao hiệu quả của các hoạt động kiểm tra, xử lý, ngăn chặn sai phạm trong kinh doanh nhà ở và bất động sản.

- Tăng cường kiểm soát hoạt động môi giới bất động sản, trong đó có hoạt động môi giới kinh doanh nhà ở của các tổ chức, cá nhân theo hướng: nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp đối với cá nhân hành nghề môi giới bất động sản. Kiên quyết xử lý trên cơ sở áp dụng các chế tài theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm trong hoạt động môi giới bất động sản.

- Tăng cường kiểm soát hoạt động của các sàn giao dịch bất động sản, các tổ chức thực hiện hoạt động môi giới bất động sản trong đó có hoạt động giao dịch kinh doanh nhà ở; góp phần quản lý thông tin giao dịch bất động sản, giao dịch nhà ở, tăng tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi của người dân.

6. Giải pháp hỗ trợ nhà ở cho các nhóm đối tượng được hưởng chính sách

a) Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

Triển khai thực hiện theo Quyết định số 2777/QĐUBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Kế hoạch Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2023” tỉnh Quảng Bình.

b) Khuyến khích phát triển loại hình nhà ở thương mại giá thấp để bán, cho thuê để đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người thu nhập thấp tại khu vực đô thị, công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

a) Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở; hướng dẫn, đôn đốc và giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với trường hợp vượt thẩm quyền; thường xuyên kiểm tra, rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thực tế của tỉnh.

- Công bố công khai, minh bạch nhu cầu và quỹ đất để phát triển nhà ở trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng khung giá cho thuê nhà ở xã hội, nhà lưu trú cho công nhân và khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh quyết định.

- Tiếp nhận các thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp để tích hợp, cập nhật bổ sung các thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản khi Hệ thống thông tin này được vận hành.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, yêu cầu UBND các huyện, thành phố và chủ đầu tư báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất các dự án nhà ở, khu đô thị có nhà ở, dự án đầu tư xây dựng có tạo ra đất ở thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường việc kiểm tra, rà soát các dự án phát triển nhà ở, khu đô thị trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi huy động vốn trái phép, mua bán bất động sản khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

b) Sở Tài chính

- Tham mưu việc bố trí kế hoạch vốn phát triển nhà ở; phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình một số dự án bất động sản để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức kiểm tra và theo dõi tiến độ thực hiện các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh; tham mưu đề xuất UBND tỉnh hướng xử lý đối với các Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở chậm tiến độ theo tiến độ của dự án đầu tư đã phê duyệt.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng cân đối chỉ tiêu sử dụng đất đối với quỹ đất phát triển nhà ở và quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội phù hợp với kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh được phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, và các sở ngành, địa phương có liên quan thẩm định kế hoạch sử dụng đất hàng năm phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch phát triển nhà ở làm căn cứ thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất thực hiện dự án.

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình giao dịch đất ở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

d) Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh

Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan đánh giá, xác định

nhu cầu về nhà ở của công nhân, người lao động làm việc tại các KCN để có cơ sở lập và phê duyệt chủ trương để triển khai các dự án phát triển nhà ở dành cho công nhân KCN.

đ) Các sở, ban, ngành có liên quan

- Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan cho các đơn vị được giao chủ trì trong quá trình triển khai thực hiện.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, địa phương liên quan rà soát nhu cầu nhà ở của các hộ chính sách, người có công với cách mạng, hộ nghèo cần hỗ trợ nhà ở trong quá trình triển khai thực hiện.

- Phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”.

e) Ngân hàng Chính sách xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, sở, ngành có liên quan để quản lý nguồn vốn và quản lý việc sử dụng nguồn vốn phát triển nhà ở xã hội cho các hộ chính sách, người có công với cách mạng, hộ nghèo.

- Thực hiện huy động tiền gửi tiết kiệm của hộ gia đình, cá nhân trong nước để cho các đối tượng xã hội có nhu cầu mua, thuê mua nhà ở xã hội vay với lãi suất ưu đãi và thời hạn vay dài hạn.

2. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

- Tổ chức, chỉ đạo triển khai Kế hoạch phát triển nhà ở và thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn quản lý. Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn và gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất.

- Tổ chức thu thập thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trong phạm vi quản lý trên địa bàn và gửi về Sở Xây dựng định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

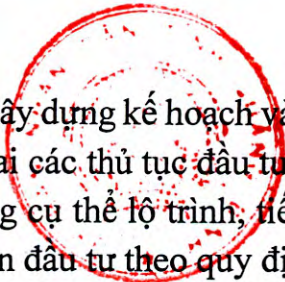
- Rà soát và lựa chọn quỹ đất phù hợp với các quy hoạch liên quan để giới thiệu địa điểm thực hiện các dự án phát triển nhà ở, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh.

- Tổ chức cấp giấy phép xây dựng nhà ở tại khu vực đô thị theo phân cấp, đồng thời thực hiện và phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện kiểm tra, giám sát việc xây dựng nhà ở sau cấp phép, xử lý các trường hợp xây dựng nhà ở trái phép, không phép theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Thực hiện quản lý xây dựng nhà ở tại khu vực nông thôn theo quy định của pháp luật hiện hành; tổng hợp số liệu về tình hình xây dựng nhà ở khu vực nông thôn do UBND cấp xã báo cáo.

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án nhà ở

- Triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở theo đúng nội dung và tiến độ đã được phê duyệt.



- Xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện đối với khu đất đầu tư; khẩn trương triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng theo đúng quy định; cân đối nguồn vốn để xây dựng cụ thể lộ trình; tiến độ thực hiện để đảm bảo tuân thủ các quy định về lập dự án đầu tư theo quy định.

- Thực hiện báo cáo tiến độ dự án theo định kỳ hoặc đột xuất làm căn cứ đánh giá kết quả triển khai kế hoạch phát triển nhà ở.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan./.

Phụ lục 1
DANH MỤC KHU VỰC PHÁT TRIỂN NHÀ Ở, CÁC DỰ ÁN ĐÃ
ĐƯỢC UBND TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số: 1.189/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7, năm 2025
của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Địa điểm	Dự án	Quy mô (ha)
I	Thành phố Đồng Hới		504,94
1	Phường Đồng Phú	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Bắc kênh Phóng Thủy, phường Đồng Phú, Đồng Hới	9,90
2	Phường Đồng Phú	Khu đô thị phía Đông đường Phùng Hưng, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới	9,90
3	Phường Đức Ninh Đông	Dự án Khu nhà ở thương mại tại Trung tâm hành chính phường Đức Ninh Đông	7,00
4	Phường Phú Hải	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông sông Lệ Kỳ, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới	9,06
5	Phường Bắc Nghĩa	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thái Tổ, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới	7,80
6	Phường Đồng Phú, Nam Lý	Khu đô thị phía Nam đường Trần Hưng Đạo, giáp với Đài phát sóng, phát thanh Đồng Hới	4,30
7	Phường Bắc Lý	Khu đô thị phía Tây Nam đường Lý Thánh Tông, đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phần	10,20
8	Phường Phú Hải	Khu đô thị mới Phú Hải	42,00
9	Phường Bắc Lý	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Tây Mường Phóng Thủy	9,70
10	Phường Phú Hải	Khu đô thị Nam Cầu Dài	40,30
11	Xã Bảo Ninh	Khu đô thị Bảo Ninh 1	18,50
12	Xã Bảo Ninh	Khu đô thị Bảo Ninh 2	18,20
13	Xã Bảo Ninh	Khu đô thị Bảo Ninh 3	16,50
14	Phường Đồng Hải	Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại và nhà ở kết hợp kinh doanh tại phường Hải Đình	1,00
15	Phường Đồng Phú	Khu đô thị Eurowindow Grant City	1,50
16	Xã Bảo Ninh	Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City	25,9
17	Phường Bắc Lý	Khu đô thị mới tại đường Hữu Nghị (trước đây là Dự án tổ hợp thương mại dịch vụ và	5,815

		nhà ở Đồng Hới tại đường Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới (Đồng Hới Complex))	
18	Xã Bảo Ninh	Khu đô thị Bảo Ninh 4	41,52
19	Phường Đức Ninh Đông, phường Nam Lý	Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới.	30,5
20	Xã Bảo Ninh	Khu đô thị Bảo Ninh 8	20,36
21	Phường Đức Ninh Đông	Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi	10,56
22	Phường Đồng Phú	Khu đô thị phía Tây đường Phan Huy Chú, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới	8,95
23	Phường Đồng Phú	Khu đô thị phía Bắc Công viên trung tâm thành phố Đồng Hới	2,7
24	Xã Quang Phú, Đồng Hới và xã Lý Trạch, Bố Trạch	Dự án Khu đô thị Quang Phú	16,1
25	Phường Phú Hải	Khu đô thị phía Nam phường Phú Hải	29,67
26	Phường Đồng Phú	Dự án Khu đô thị phía Đông Bắc đường Lý Thường Kiệt - phường Đồng Phú	9,09
27	Xã Lộc Ninh	Khu đô thị Lộc Ninh	8,5
28	Xã Đức Ninh	Khu đô thị phía sau chợ Đức Ninh, xã Đức Ninh	10,45
29	Xã Bảo Ninh	Khu đô thị Bảo Ninh 6	41,91
30	Xã Bảo Ninh	Khu nhà ở thương mại phía Tây đường Võ Nguyên Giáp, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới	1,778
31	Phường Đồng Phú	Khu đô thị phía Tây đường Lý Nam Đế	9,57
32	Xã Bảo Ninh	Khu đô thị Phương Bắc	17,70
33	Phường Đức Ninh Đông	Khu đô thị phía Tây Bắc đường 27m, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	8,01
II	Huyện Lệ Thủy		24,38
34	Thị trấn Kiến Giang và xã Liên Thủy	Khu đô thị tại thị trấn Kiến Giang và xã Liên Thủy	9,60
35	Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	Dự án Khu nhà ở thương mại thị trấn Nông trường Lệ Ninh	6,60
36	TT Kiến Giang	Khu đô thị Kiến Giang 1	8,18

III	Huyện Quảng Ninh		132,01
37	Xã Gia Ninh	Khu dân cư nông thôn Dinh Mười III	9,90
38	Xã Võ Ninh	Dự án Khu nhà ở thương mại thôn Hà Thiệp - Bắc Ninh	9,50
39	Thị trấn Quán Hàu	Khu đô thị Đá Lả, thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh	6,50
40	Thị trấn Quán Hàu	Khu đô thị tại vùng ruộng Nhất, thị trấn Quán Hàu	8,00
41	Thị trấn Quán Hàu	Dự án KĐT phía Nam thành phố Đồng Hới	13,68
42	Xã Hải Ninh	Khu đô thị Hải Ninh 2	20,59
43	Xã Hải Ninh	Khu dân cư nông thôn mới Hải Ninh, huyện Quảng Ninh	11,94
44	TT Quán Hàu	Khu đô thị cao cấp Quán Hàu, huyện Quảng Ninh	16,82
45	Thị trấn Quán Hàu	Khu đô thị mới Lương Ninh	35,1
IV	Huyện Bố Trạch		66,63
46	Xã Thanh Trạch	Khu dân cư nông thôn Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch	8,00
47	Xã Đại Trạch	Khu đô thị mới Lý Nhân	38,73
48	Xã Lý Nam	Khu đô thị Lý Trạch, huyện Bố Trạch	19,90
V	Huyện Quảng Trạch		40,40
49	Xã Quảng Hưng	Dự án Khu dân cư nông thôn phía Đông ngoài trung tâm hành chính huyện lỵ mới (dọc tuyến đường N1)	40,40
VI	Thị xã Ba Đồn		109,25
50	Phường Quảng Thọ và phường Quảng Phúc	Khu đô thị phức hợp Du lịch nghỉ dưỡng thương mại tại phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn	33,05
51	Phường Quảng Thuận	Khu đô thị Cồn Két	50,2
52	Phường Quảng Thọ và Quảng Thuận	Khu đô thị tại khu vực trung tâm thị xã Ba Đồn	26,0

Phụ lục 2
DANH MỤC KHU VỰC PHÁT TRIỂN NHÀ Ở, CÁC KHU VỰC DỰ
KIẾN SẪ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số: ~~1189~~ 1189/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025
của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Địa điểm	Khu vực phát triển nhà ở	Quy mô (ha)
I	Thành phố Đồng Hới		1.041,19
1	Phường Đồng Phú	Khu vực phát triển nhà ở tổ hợp chung cư cao tầng Đồng Phú	1,17
2	Xã Quang Phú - Đồng Hới và xã Nhân Trạch, Lý Nam - Bố Trạch.	Khu vực phát triển nhà ở hỗn hợp ven biển Nhật Lệ	294
3	Phường Đồng Phú, Bắc Lý, xã Lộc Ninh	Khu vực phát triển nhà ở hỗn hợp Trung tâm thành phố Đồng Hới, phía Tây hồ Bàu Tró	214
4	Xã Đức Ninh, phường Đức Ninh Đông - Đồng Hới và TT Quán Hàu - Quảng Ninh.	Khu vực phát triển nhà ở hỗn hợp phía Tây sông Lệ Kỳ	293
5	Phường Đức Ninh Đông	Khu vực phát triển nhà ở phía Tây Bắc sông Lệ Kỳ	5.86
6	Xã Bảo Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Bảo Ninh Xanh	12,84
7	Xã Bảo Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Khu đô thị Bảo Ninh 5	49,35
8	Xã Bảo Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Khu đô thị Bảo Ninh 7	46,72
9	Phường Bắc Lý	Khu vực phát triển nhà ở phía Đông đường Nguyễn Văn Linh 1	3,05
10	Xã Bảo Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Khu đô thị Bảo Ninh – Hà Trung	26,70
11	Xã Bảo Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Khu đô thị Bảo Ninh - Cửa Phú	27,5
12	Xã Bảo Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Khu đô thị Bảo Ninh 10.	42,96
13	Phường Bắc Lý, xã Lộc Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Khu đô thị mới Bắc thành phố	37,17
14	Xã Bảo Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Khu đô thị Bình Minh 1	45,00

15	Xã Bảo Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Khu đô thị Bình Minh 2	25,00
II	Huyện Quảng Ninh		729,86
16	Xã Võ Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Võ Ninh	102
17	Xã Hải Ninh	Khu vực phát triển nhà ở hỗn hợp trung tâm Hải Ninh	281
18	Xã Võ Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Võ Ninh 3	9,9
19	Xã Võ Ninh	Khu vực phát triển nhà ở ven sông Nhật Lệ	33,30
20	Xã Hải Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Khu dân cư Tân Hải	27,96
21	Xã Hải Ninh	Khu vực phát triển nhà ở Khu dân cư Biển Ngọc	45,09
22	Xã Hải Ninh	Khu vực phát triển nhà ở hỗn hợp phía Bắc Hải Ninh	285,60
III	Huyện Bố Trạch		1.937,94
23	Xã Đại Trạch, Trung Trạch	Khu vực phát triển nhà ở Đại Trạch	14,28
24	Xã Đại Trạch, Trung Trạch	Khu vực phát triển nhà ở Trung Trạch	75,24
25	Thị trấn Phong Nha	Khu vực phát triển nhà ở Phong Nha	1.720,00
26	Xã Đại Trạch	Khu vực phát triển nhà ở Đại Trạch 1	46,47
27	Xã Đại Trạch	Khu vực phát triển nhà ở Đại Trạch 2	54,81
28	Xã Bắc Trạch	Khu vực phát triển nhà ở Bắc Trạch	15,86
29	Xã Thanh Trạch	Khu vực phát triển nhà ở Thanh Trạch 1	11,28
IV	Huyện Lệ Thủy		50,72
30	Xã Cam Thủy	Khu vực phát triển nhà ở Khu công nghiệp Cam Liên	46,92
31	Xã An Thủy	Khu vực phát triển nhà ở Khu đô thị Lộc Thượng	3,80
V	Thị xã Ba Đồn		41,07
32	Xã Quảng Lộc	Khu vực phát triển nhà ở Khu đô thị mới phía Nam thị xã Ba Đồn	41,07

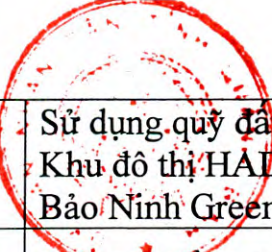
VI	Huyện Quảng Trạch		7,40
33	Xã Liên Trường	Khu vực phát triển nhà ở Khu dân cư nông thôn phía Bắc Quốc lộ 12A, xã Liên Trường, huyện Quảng Trạch	8,00



Phụ lục 3
DANH MỤC KHU VỰC PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số: 1189/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025
của UBND tỉnh Quảng Bình)

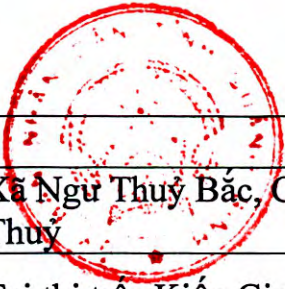
TT	Địa điểm	Khu vực	Quy mô dự kiến (ha)
I	Thành phố Đồng Hới		60,54
1	Xã Lộc Ninh	Khu nhà ở xã hội tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	9,60
2	xã Lộc Ninh (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thánh Tông, đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phần)	Nhà ở xã hội Lộc Ninh 1	1,00
3	Xã Bảo Ninh (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị Bảo Ninh 1)	Nhà ở xã hội Bảo Ninh 1	1,90
4	Xã Bảo Ninh (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2)	Nhà ở xã hội Bảo Ninh 2	1,80
5	Ô đất OM4 và OM5 thuộc Đồ án Quy hoạch phân khu phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000 được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 24/02/2025.	Khu Nhà ở xã hội Trung tâm thành phố Đồng Hới, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	0,80
6	Sử dụng quỹ đất 20% để xây dựng nhà ở xã hội tại Dự án Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi - Quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình	Khu Nhà ở xã hội phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	0,77

7	Phường Phú Hải (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị Nam Cầu Dài)	Nhà ở xã hội Nam Cầu Dài	3,00
8	Phường Nam Lý (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Tổ hợp thương mại DV và nhà ở Đồng Hới (ĐH complex))	Nhà ở xã hội Tây Hữu Nghị	0,50
9	Phường Đồng Phú (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu nhà ở thương mại phía Tây đường Phan Huy Chú, phường Đồng Phú)	Nhà ở xã hội Tây Phan Huy Chú	0,80
10	Phường Đức Ninh Đông (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi)	Nhà ở xã hội ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi	2,20
11	Xã Bảo Ninh (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới)	Nhà ở xã hội Bảo Ninh 4	3,20
12	Xã Bảo Ninh (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị Bảo Ninh 6, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới)	Nhà ở xã hội Bảo Ninh 6	1,90
13	Xã Bảo Ninh (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị Bảo Ninh 8, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới)	Nhà ở xã hội Bảo Ninh 8	1,40
14	Khu đất (OXH1) tại QH phân khu điều chỉnh Khu vực phía tây nam đường Quốc lộ 1A (đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phấn)	Khu nhà ở xã hội Khu Công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới	2,50
15	Sử dụng quỹ đất 20% tại Khu đô thị Bảo Ninh 3	Khu nhà ở xã hội Bảo Ninh 3	1,70



16	Sử dụng quỹ đất 20% tại Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City	Khu nhà ở xã hội HADALAND	2,00
17	Phường Đồng Phú	Khu nhà ở xã hội Trung tâm phía Đông đường Phùng Hưng	4,96
18	Sử dụng quỹ đất 20% tại Khu nhà ở thương mại phía sau chợ Đức Ninh, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới	Khu nhà ở xã hội phía sau chợ Đức Ninh	0,70
19	Sử dụng quỹ đất 20% tại Khu đô thị phía Nam Phú Hải	Khu nhà ở xã hội phía Nam Phú Hải	0,70
20	Sử dụng quỹ đất 20% tại Khu đô thị phía Tây Bắc đường 27m, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	Khu nhà ở xã hội Tây Bắc đường 27m Đức Ninh Đông	0,60
21	Sử dụng quỹ đất 20% tại Khu nhà ở thương mại phía Tây đường Lý Nam Đế	Khu nhà ở xã hội Tây Lý Nam Đế	0,70
22	Sử dụng quỹ đất 20% Khu đô thị Bảo Ninh - Hà Trung	Khu nhà ở xã hội Bảo Ninh – Hà Trung	1,30
23	Sử dụng quỹ đất 20% tại Khu đô thị phía Đông Bắc đường Lý Thường Kiệt - phường Đồng Phú	Nhà ở xã hội Đông Bắc đường Lý Thường Kiệt	0,60
24	Sử dụng quỹ đất 20% tại Khu đô thị Lộc Ninh	Khu nhà ở xã hội Lộc Ninh 2	0,60
25	Sử dụng quỹ đất 20% tại Khu nhà ở thương mại Quang Phú	Khu nhà ở xã hội Quang Phú	1,10
26	Sử dụng quỹ đất 20% tại Khu đô thị mới phía Bắc thành phố Đồng Hới	Khu nhà ở xã hội Bắc thành phố Đồng Hới	1,20
27	Sử dụng quỹ đất 20% tại Khu đô thị Phương Bắc	Khu nhà ở xã hội Phương Bắc	1,20
28	Sử dụng quỹ đất 20% tại Dự án Khu đô thị Bảo Ninh - Cửa Phú	Khu nhà ở xã hội Bảo Ninh – Cửa Phú	1,30

29	Khu đất thuộc QH phân khu Khu vực phát triển đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, TP. Đồng Hới (Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 24/5/2019)	Khu nhà ở xã hội Đức Ninh Đông	8,50
30	Thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh	Khu nhà ở xã hội Cửa Phú - Bảo Ninh	2,01
II	Quảng Trạch		15,20
31	Thôn Thọ Sơn, xã Quảng Đông	Khu nhà ở phục vụ cán bộ công nhân Hòn La Suites& Residence	7,60
32	Khu kinh tế Hòn La, xã Quảng Đông	Nhà ở phục vụ cán bộ công nhân tại Khu kinh tế Hòn La	1,50
33	Xã Quảng Phương	Quy hoạch nhà ở xã hội tại xã Quảng Phương	3,10
34	Xã Quảng Phú	Quy hoạch nhà ở xã hội tại xã Quảng Phú	3,00
III	Tuyên Hóa		3,50
35	Xã Tiến Hóa	Khu Nhà ở xã hội tại xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa	2,50
36	Tại thị trấn Đồng Lê	Quy hoạch mới, bố trí khu vực phát triển nhà ở xã hội	1,00
IV	Bố Trạch		4,50
37	Xã Thanh Trạch	Nhà ở xã hội khu vực phía Bắc huyện Bố Trạch	1,00
38	Xã Trung Trạch	Nhà ở xã hội khu vực Trung tâm huyện Bố Trạch	1,00
39	Thị trấn Nông trường Việt Trung	Nhà ở xã hội khu vực phía Tây Nam huyện Bố Trạch	1,50
40	Thị trấn Phong Nha	Nhà ở xã hội khu vực phía Tây huyện Bố Trạch	1,00
V	Ba Đồn		9,00
41	Tại thị xã Ba Đồn	Quy hoạch mới, bố trí khu vực phát triển nhà ở xã hội	9,00
VI	Quảng Ninh		5,00
42	Khu đất tại QH phân khu phía Nam Đồng Hới (OXH2)	Khu nhà ở xã hội Nam Đồng Hới 2	5,00
VII	Minh Hóa		1,00
43	Tại thị trấn Quy Đạt	Quy hoạch mới, bố trí khu vực phát triển nhà ở xã hội	1,00



VIII	Lệ Thủy		5,20
44	Xã Ngư Thủy Bắc, Cam Thủy	Khu nhà ở xã hội Khu công nghiệp Cam Liên (gđoạn 1)	4,20
45	Tại thị trấn Kiến Giang	Quy hoạch mới, bố trí khu vực phát triển nhà ở xã hội	1,00
46	Tại thị trấn Kiến Giang	Quy hoạch mới, bố trí khu vực phát triển nhà ở xã hội	1,00

Phụ lục 4
DANH MỤC KHU VỰC PHÁT TRIỂN NHÀ Ở (KHU DÂN CƯ, KHU HTKT DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ)

(Kèm theo Quyết định số: 1189 QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Địa điểm	Khu vực, dự án	Quy mô (ha)
I	Huyện Lệ Thủy		139,40
1	Tân Thuận - Ngư Thủy Bắc	Khu dân cư xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy	4,60
2	Tân Thuận - Ngư Thủy Bắc	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất ở lô (XII-OM-5, XII-OM-6) xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy	20,00
3	Tân Thuận - Ngư Thủy Bắc	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu phức hợp đô thị mới phía Đông Bắc đường BOT vượt lũ	35,00
4	Đông Thành - Liên Thủy	Khu dân cư thôn Đông Thành, xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy.	7,00
5	Quy Hậu - Liên Thủy	Phát triển quỹ đất để đầu tư giá QSD đất ở tại xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy	4,50
6	Thượng Phong - Phong Thủy	Phát triển quỹ đất ở xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy	5,30
7	Đại Phong - Phong Thủy	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy.	9,60
8	Mỹ Duyệt - Cam Thủy	Khu dân cư xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy	10,00
9	Phan Xá - Xuân Thủy	Khu dân cư thôn Phan Xá, Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy	9,60
10	Xuân Giang - TT Kiến Giang	Khu dân cư phía Nam đường Mai - An, TDP Xuân Giang, TT Kiến Giang, huyện Lệ Thủy	8,50
11	Thanh Mỹ - Thanh Thủy	Khu dân cư thôn Thanh Mỹ, xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy (giai đoạn 1).	4,50
12	Thôn Nam Tiến, xã Ngư Thủy	Khu đất ở mới xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy	2,61
13	Lô OM22 QHPK. Phong Thủy	Tạo quỹ đất ở (lô OM22) quy hoạch phân khu xã Phong Thủy	3,40
14	Xã An Thủy	Khu tái định cư cầu An - Lộc	2,90

15	Thôn Trung Thành, xã Ngư Thủy Bắc	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Ngư Thủy Bắc phục vụ công tác GPMB Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình	2,15
16	Thôn Tân Thượng Hải, xã Ngư Thủy	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Ngư Thủy phục vụ công tác GPMB Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình.	2,72
17	Thôn Phú Hòa, xã Phú Thủy	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư xã Phú Thủy phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 (đoạn qua địa phận huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình).	1,92
18	Thôn Trường Giang, xã Trường Thủy	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư xã Trường Thủy phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua địa bàn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình)	1,10
19	Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	Xây dựng Hạ tầng Khu tái định cư TT Nông Trường Lệ Ninh phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua địa bàn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình)	4,00
II	Thành phố Đồng Hới		170,40
3.1	Ban QLDA ĐTXD&PTQD thành phố Đồng Hới		29,60
20	Xã Đức Ninh	HTKT khu đất ở khu vực Đồng Bình Bồn, xã Đức Ninh	4,70
21	Xã Bảo Ninh	HTKT khu dân cư thôn trung bình, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới	4,90
22	Phường Bắc Lý	HTKT khu đất ở tổ dân phố 9 (giai đoạn 2) phường Bắc Lý, TP Đồng Hới.	2,70
23	Xã Lộc Ninh	Khu tái định cư xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	2,00
24	Phường Phú Hải	HTKT khu vực đất ở tổ dân phố Diêm Hải, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới	2,90

25	Xã Đức Ninh	HTKT khu đất ở khu vực Đồng Bàu Miếu, xã Đức Ninh	4,70
26	Xã Bảo Ninh	HTKT khu đất ở phía tây đường 36m, thôn Sa Động – Trùng Bính	4,90
27	Xã Đức Ninh	HTKT Thôn Đức Phong, Xã Đức Ninh, TP Đồng Hới.	2,80
3,2	Trung tâm PTQĐ- Sở TNMT		104,60
28	Xã Lộc Ninh	Dự án Tạo quỹ đất Khu dân cư phía Đông Nam đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	3,60
29	Phường Nam Lý	Dự án Tạo quỹ đất cụm dân cư Tổ dân phố 3, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới	1,20
30	Phường Nam Lý	Dự án Tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam đường Tạ Quang Bửu, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới	7,30
31	Phường Bắc Nghĩa	Dự án Tạo quỹ đất khu dân cư phía Bắc đường Lê Lợi, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới	0,80
32	Phường Bắc Nghĩa	Dự án Tạo quỹ đất Khu dân cư phía Nam đường Lý Thái Tổ, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới	4,50
33	Xã Quang Phú	Dự án Tạo quỹ đất khu dân cư phía Tây Nam đường Nguyễn Hữu Hào, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới	4,20
34	Huyện Lệ Thủy	Dự án Tạo quỹ đất khu dân cư Gia Hồng, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	10,60
3,3	Sở Xây dựng		36,20
35	Xã Quang Phú	Khu dân cư phía Tây Nam đường Trương Pháp, xã Quang Phú	6,50
36	Phường Bắc Lý tp Đồng Hới	Dự án Khu dân cư phía Tây đường Hữu Nghị, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới	21,57
37	Phường Đức Ninh Đông tp Đồng Hới	Dự án Khu dân cư ven sông Lê Kỳ dọc theo tuyến đường 36m tại phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	8,13